

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST
Ngày 26 - 11 - 2021.
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiến
2. Ông Trần Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2021/TLST- DSTC, ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-DSTC ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QDST-DSTC ngày 04/11/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh Hà Giang; địa chỉ: Tổ 13, phường N, TP H, tỉnh Hà Giang; ĐD theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh B - Phó Trưởng phòng khách hàng.

2. *Bị đơn:* Ông Nông Văn T; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà La Thị L; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh Hà Giang (sau đây viết tắt ngân hàng BD L - CN Hà Giang) trình bày: Ngày 25/10/2017 ngân hàng BD L - CN Hà Giang và ông Nông Văn T đã ký kết hợp đồng tín dụng số: TDH20171632. Theo

nội dung của hợp đồng ngân hàng BĐ L - CN Hà Giang đồng ý cho ông T vay số tiền 230.000.000,đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng), mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong 3 tháng đầu tiên là 12%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ quy định của Ngân hàng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 25/10/2017 đến ngày 25/10/2022; mục đích vay đầu tư mua sắm thiết bị dùng sinh hoạt gia đình, loại cho vay không có bảo đảm. Tại thời điểm vay tiền ông T đang công tác tại Trường PTDT bán trú tiểu học N, huyện H, tỉnh Hà Giang, mức lương được hưởng 8.090.900đ/1 tháng, ông T có ủy quyền cho nhà trường chuyển tiền lương và các khoản thu nhập theo lương vào tài khoản của cán bộ mở tại ngân hàng BĐ L - CN Hà Giang để trả nợ cho ngân hàng, đồng thời vào ngày 16/10/2017 bà La Thị L (khi đó là vợ ông T) cùng ký cam kết đồng trách nhiệm trả nợ cho khoản vay nêu trên của ông T. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ và để phát sinh nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng từ ngày 29/5/2020 ngân hàng BĐ L đã nhiều lần yêu cầu ông T đến giải quyết nhưng ông T trốn tránh không hợp tác. Sau đó ông T đã nghỉ việc, bỏ đi khỏi nơi cư trú không thông báo địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc mới cho ngân hàng biết.

Năm 2019, ngân hàng BĐ Liên Việt đã khởi kiện ông T bà Lra Tòa án yêu cầu trả nợ, tại buổi làm việc ngày 16/7/2019 (vắng mặt ông T) bà L đã xác nhận nội dung việc ông T và bà có vay tiền của ngân hàng và không trả nợ đúng hạn, bà L đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ thay cho ông T. Do đó ngân hàng BĐ L đã rút đơn khởi kiện để tạo điều kiện cho khách hàng trả nợ. Tuy nhiên, tính đến ngày 29/5/2020 bà L chỉ trả thêm được số tiền 15.403.301đ, sau đó không thực hiện việc trả nợ như đã hứa, gây thiệt hại cho ngân hàng BĐ L - CN Hà Giang từ ngày 29/5/2020.

Vì vậy, ngân hàng BĐ L - CN Hà Giang khởi kiện ông T và bà L ra Tòa án nhân dân TP H, buộc ông T bà L cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng BĐ L số tiền cụ thể: Số dư nợ gốc tính đến ngày 26/11/2021 là 172.296.699; lãi quá hạn là 57.573.423; lãi chậm trả gốc là 27.158.345đ; lãi chậm trả lãi là: 6.650.598đ; tổng số gốc + lãi là: 263.679.065đ.

* Bị đơn ông Nông Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng qua xác minh, nơi cư trú tại gia đình và chính quyền xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang cung cấp hiện nay ông T đã đi khỏi địa phương, hiện không xác định được nơi cư trú và làm việc của ông T.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà La Thị L: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà L đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng qua xác minh, nơi cư trú và gia đình chính quyền xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang cung cấp, xác định nội dung bà L và ông T đã ly hôn vào tháng 4 năm 2021, theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2021 của Tòa án

nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang. Sau khi ly hôn bà L đã đi khỏi nơi cư trú, hiện nay không biết địa chỉ của bà L ở đâu.

Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử theo quy định chung của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông T và bà L liên đới hoàn trả số dư nợ gốc tính đến ngày 26/11/2021 là 172.296.699; lãi quá hạn là 57.573.423; lãi chậm trả gốc là 27.158.345đ; lãi chậm trả lãi là: 6.650.598đ; tổng số gốc + lãi là: 263.679.065đ

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71- BLTTDS. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72, 73 - BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 282, 288, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 90, 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông T và bà L phải liên đới trả số tiền nợ là 172.296.699; lãi quá hạn là 57.573.423; lãi chậm trả gốc là 27.158.345đ; lãi chậm trả lãi là: 6.650.598đ; tổng số gốc + lãi là: 263.679.065đ và lãi suất tiếp theo của HĐTD tính từ ngày 27/11/2021 cho đến khi trả nợ xong.

- Về án phí: Buộc ông T và bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ngân hàng BĐ L theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng BD L - CN Hà Giang; địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nông Văn T và bà La Thị L; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Bị đơn ông Nông Văn T, người có QLNVLQ bà La Thị L đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông T và bà L theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng BD L - CN Hà Giang cho ông T vay số tiền 230.000.000,đ (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*), mục đích vay đầu tư mua sắm thiết bị dùng sinh hoạt gia đình. Như vậy, xác định tranh chấp là hợp đồng tín dụng và là tranh chấp dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015; căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 288, 290, 357 BLDS năm 2015.

[4]. Về nội dung: Ngày 25/10/2017 Ngân hàng BD L - CN Hà Giang và ông T đã thỏa thuận và ký kết hợp đồng tín dụng số: Ngày 25/10/2017 ngân hàng BD L - CN Hà Giang và ông Tường đã ký kết hợp đồng tín dụng số: TDH20171632. Theo nội dung của hợp đồng ngân hàng BD L- CN Hà Giang đồng ý cho ông T vay số tiền 230.000.000,đ (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*), mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong 3 tháng đầu tiên là 12%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ quy định của Ngân hàng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 25/10/2017 đến ngày 25/10/2022; mục đích vay đầu tư mua sắm thiết bị dùng sinh hoạt gia đình, loại cho vay không có bảo đảm. Tại thời điểm vay tiền ông T đang công tác tại Trường PTDT bán trú tiểu học N, huyện H, tỉnh Hà Giang, mức lương được hưởng 8.090.900đ/1 tháng, ông Tường có ủy quyền cho nhà trường chuyển tiền lương và các khoản thu nhập theo lương vào tài khoản của cán bộ mở tại ngân hàng BD L - CN Hà Giang để trả nợ cho ngân hàng, đồng thời vào ngày 16/10/2017 bà La Thị L (khi đó là vợ ông T) cùng ký cam kết đồng trách nhiệm trả nợ cho khoản vay nêu trên của ông T. Như vậy việc ngân hàng BD L và ông T ký HĐTD nêu trên là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

[5]. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà L đã vi phạm cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng và để phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T bà L trả nợ và thực hiện nhiều biện pháp để xử lý, thu hồi nợ nhưng ông Tường, bà Lương không hợp tác và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú. Như vậy, việc ngân hàng Bưu điện L Ngày 14/5/2019 ra thông báo số 826/2019/QĐ-LPBHG-PKH về việc thu hồi toàn bộ khoản vay trước thời hạn do ông T bà L vi phạm Điều 7 của hợp đồng tín dụng là phù hợp, đúng quy định.

[6]. Xét yêu cầu của ngân hàng BĐ L - Chi nhánh Hà Giang đề nghị ông T, bà L phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi suất chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở, bởi lẽ: Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng số TDH20171632 ngày 25/10/2017, ông T đã vay được tiền nhưng không trả nợ theo thỏa thuận để phát sinh nợ quá hạn trả cả gốc và lãi từ ngày 29/5/2020 đến nay, vi phạm nội dung thỏa thuận tại Điều 4 của HĐ tín dụng, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng BĐ L.

[7]. Tại vụ án dân sự số 48/2019/TLST-DSTC ngày 05/6/2019 ngân hàng BĐ L - CN Hà Giang đã khởi kiện ông T, bà L để đòi khoản nợ trên. Theo nội dung của biên bản hòa giải ngày 16/7/2019 bà L đã xác nhận bà có ký cam kết đồng trách nhiệm trả khoản nợ 230.000.000đ của ông T (chồng bà) và tại ngân hàng BĐ L, đồng thời bà L nhất trí trả nợ cho ngân hàng theo phương thức mỗi tháng 4.000.000đ. Do đó ngân hàng BĐ Liên Việt đã rút đơn khởi kiện để bà Lương tự thực hiện trả nợ, Tòa án nhân dân thành phố H đã Đình chỉ việc giải quyết vụ án. Bà L đã trả nợ thêm cho ngân hàng BĐ L số tiền 15.403.301đ rồi sau đó bà L không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng theo nội dung đã cam kết. Theo nội dung của Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện H tại mục 2.3: *“Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Vợ chồng anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết”*. Như vậy, đủ cơ sở xác định phần công nợ chung của ông T, bà L là khoản vay chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa được giải quyết.

[8]. Hiện nay do ông T và bà L đã đi khỏi nơi cư trú, trước khi thay đổi địa chỉ nơi cư trú không thông báo cho chính quyền địa phương và ngân hàng BĐ L, biết về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú, cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng BĐ L căn cứ vào Điều 7 của HĐ tín dụng đòi nợ trước thời hạn đối với ông Tường bà Lương là phù hợp nên chấp nhận. Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 288, 290, 357 BLDS năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng BĐ L - Chi nhánh Hà Giang buộc ông T và bà L phải có trách nhiệm liên đới trả số nợ cho ngân hàng BĐ L - CN Hà Giang tính đến ngày xét xử 26/11/2021 cụ thể số dư nợ gốc: 172.296.699; lãi quá hạn là 57.573.423; lãi chậm trả gốc là 27.158.345đ; lãi chậm trả lãi là: 6.650.598đ; tổng số gốc + lãi là: 263.679.065đ. Trong đó phần của ông T phải trả là 131.839.532đ, phần của bà L phải trả là 131.839.532đ và lãi phát sinh tương ứng kể từ ngày 27/11/2021 cho đến khi ông T bà L trả hết nợ gốc theo hợp đồng tín dụng.

[6]. Bị đơn ông T, bà L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu của mình, nên không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông Tường, bà Lương phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 288, 290, Điều 357 - Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh Hà Giang về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng số TDH20171632, ngày 25/10/2017.

2. Xử: Buộc ông Nông Văn T và bà La Thị L phải có trách nhiệm liên đới mỗi người trả 1/2 số nợ cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh Hà Giang, cụ thể số tiền nợ gốc là 172.296.699; lãi quá hạn là 57.573.423; lãi chậm trả gốc là 27.158.345đ; lãi chậm trả lãi là: 6.650.598đ; tổng số gốc + lãi là: 263.679.065đ (*Hai trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng*). Trong đó phần của ông T phải trả là 131.839.532đ (*Một trăm ba mươi một triệu tám trăm ba mươi chín nghìn năm ba mươi hai đồng*), phần của bà L phải trả là 131.839.532đ (*Một trăm ba mươi một triệu tám trăm ba mươi chín nghìn năm ba mươi hai đồng*) và lãi phát sinh tương ứng kể từ ngày 27/11/2021 cho đến khi ông T bà L trả hết nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số: TDH20171632 ngày 25/10/2017.

3. Về án phí:

- Ông Nông Văn T và bà La Thị L mỗi người phải chịu 6.591.976đ (*sáu triệu năm trăm chín mươi một nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. .

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh Hà Giang số tiền tạm ứng án phí 6.230.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0002563 ngày 05/8/2021.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có QLNVLQ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. H;
- Các đương sự;
- C.C THADS TP. H;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thanh Bình